|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**  **ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  Số: /CV-KT-SBM  V/v cung cấp số liệu xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số (GIS) cho các NMTĐ Tà Cọ, Suối Sập 3, Nậm Công 3. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Ngày tháng 11 năm 2020* |

Kính gửi: Sở Công Thương Sơn La.

Căn cứ vào Công văn số 1728/SCT-QLNL ngày 06/11/2020 của Sở Công Thương Sơn La về việc cung cấp số liệu xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số (GIS) quản lý thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh xin cung cấp số liệu xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số (GIS) cho các NMTĐ Tà Cọ, Suối Sập 3, Nậm Công 3 theo các Phụ lục đính kèm Công văn này.

*Trân trọng báo cáo./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như kính gửi; * Ban GĐ (b/c); * PKT, NMTĐ TC, SS3, NC3; * Lưu VT. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Đắc Dần** |

**PHỤ LỤC I-1: THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TRÌNH**

**THỦY ĐIỆN TÀ CỌ**

1. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
2. Địa chỉ: Số 20 Trần Nguyên Hãn - Phường Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội
3. Người Đại diện pháp luật: Ông Vũ Minh Tú

Số điện thoại: 0903421421 Email: minhtusbm@gmail.com

1. Tên công trình: Nhà máy thủy điện Tà Cọ
2. Công suất lắp máy: 30MW Cấp công trình: II
3. Địa điểm xây dựng: Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
4. Diện tích chiếm đất: **339.237,5** m2.
5. Năm khởi công xây dựng 2009/ Năm hoàn thành: 09/2012
6. Tổng mức đầu tư: **772.997.146.000** VNĐ

**PHỤ LỤC II-1: CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA, NHÀ MÁY**

**THỦY ĐIỆN TÀ CỌ**

**1. Tên đập, hồ chứa nước:** Thủy điện Tà Cọ

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Sốp Cộp huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La

**2.1. Đập:** thuộc tỉnh Sơn La, huyện Sốp Cộp, xã Sốp Cộp

**Tọa độ công trình: x 469885, y 2319946 (tọa độ thực tế)**

**2.2. Nhà máy:** thuộc tỉnh Sơn La, huyện Sông Mã, xã Huổi Một

**Tọa độ công trình: x 462761, y 2321445 (tọa độ thực tế)**

**3. Nhiệm vụ chính:**Cấp nước tưới □ Phát điện 🗹 Cắt, giảm lũ □

Cấp nước sinh hoạt □ Cấp nước cho công nghiệp □

**4. Thời gian xây dựng:** Năm bắt đầu 2009; Năm kết thúc 2012

**5. Kinh phí xây dựng:**Vốn tự có và vốn vay tín dụng hợp pháp

**6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** Vốn tự có và vốn vay tín dụng

**7. Tên chủ sở hữu đập: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh**

Địa chỉ: Số 20 Trần Nguyên Hãn - Phường Lý Thái Tổ - quận Hoàn Kiếm – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.7764615

Fax: 0243.7764614

Email: [bacminh.sbm@gmail.com](mailto:bacminh.sbm@gmail.com)

Website: <http://sbm.com.vn/>

**8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập** (có liên quan đến công tác quản lý đập): Địa chỉ: Xã Sốp Cộp huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La

Điện thoại: 02126.551.526 – 02123.539.9424 Fax: .................................................................

Email: a17.23taco@gmail.com

**9. Hồ chứa**

9.1. Cấp công trình: Cấp II

9.2. Vị trí (xã, huyện, tỉnh): Xã Sốp Cộp huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La

9.3. Diện tích lưu vực (Km2): 680,0

9.4. Dung tích ứng với MNDBT (106m3): 1,73

9.5. Dung tích hữu ích (106m3): 0,38

9.6. Dung tích chết (106m3): 1,35

9.7. Dung tích phòng lũ (106m3): 0

9.8. Mực nước lũ thiết kế (m): 691,60

9.9. Mực nước lũ kiểm tra (m): 693,85

9.10. Mực nước dâng bình thường (m): 685,50

9.11. Mực nước chết (m): 683,50

9.12. Mực nước lớn nhất đã xảy ra (m): 688,0

9.13. Mực nước thấp nhất (m): 683,50

**10. Đập chính**

10.1. Chiều dài đỉnh đập (m): 106

10.2. Chiều cao lớn nhất (m): 37,0

10.3. Cao trình đỉnh đập dâng (m): 695,0

10.4. Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m): .............................................................................

10.5. Loại đập (đập đất, đập bê tông trọng lực, đập đá đổ...): Đập bê tông trọng lực

10.6. Tình trạng chất lượng:                  Bình thường 🗹            Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không

**11. Các đập phụ (Không có đập phụ)**

**12. Các cống lấy nước**

12.1. Tên cống:  Cống lấy nước

12.2. Vị trí (dưới đập nào?): Dưới đập dâng

12.3. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s): 20

12.4. Vật liệu: Bê tông cốt thép

12.5. Chế độ chảy:                        Không áp 🗹                    Có áp □

12.6. Chiều dài cống (m):

12.7. Kích thước cống (m): 3x3

12.8. Cao trình đáy cống (m): 677

12.9. Tình trạng chất lượng:                Tốt 🗹                     Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không

**13. Tràn xả lũ**  Tự do 🗹                     Điều tiết bằng van □

13.1. Tên tràn: Đập tràn

13.2. Vị trí: Đập tràn

13.3. Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước thiết kế (Qxảtk m3/s): 1.898

Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước lũ kiểm tra (Qxảkt m3/s): 3.095

Mực nước lũ thiết kế (m): 691,60

Mực nước lũ kiểm tra (m): 693,85

13.4. Cao trình ngưỡng tràn (m): 685,50

13.5. Chiều rộng tràn (m): 60 m

Số khoang: 1 Bề rộng khoang tràn: 60 m

13.6. Kết cấu: Bê tông trọng lực

13.7. Hình thức: Kiểu không chân không, mặt cắt Creager – Ofixerop

13.8. Hình thức tiêu năng: Mũi phóng

Số lượng van điều tiết lũ: Không.

Kiểu van: ………………………………………………………………………………….

Kích thước van: ……………………………………………………………………………

13.9. Hình thức đóng mở: Tự tràn

13.10. Tình trạng chất lượng:         Tốt 🗹                           Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không

**14. Công trình tháo nước khác**

14.1. Tên công trình: Cống xả cát

14.2. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s): 50,78

14.3. Kết cấu: Bê tông

14.4. Chế độ chảy:                  Không áp 🗹                     Có áp □

14.5. Chiều dài (m): 16,50

14.6. Kích thước (m): 2x2,5

14.7. Cao trình ngưỡng (m): 673

14.8. Tình trạng chất lượng:        Bình thường 🗹                Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không

**14.9. Cống xả dòng chảy môi trường:**

14.9.1. Lưu lượng xả: 2,63 m3/s

14.9.2. Cao trình đặt cống: 675,5 m

14.9.3. Tình trạng hoạt động:

Công trình xả, chung với mục đích khác: Có 🗹                              không có □

Xả môi trường chung với cửa xả cát

Loại van điều tiết: Van phẳng, đóng mở bằng Vít tải

Hình thức đóng mở van điều tiết: Vít tải

Lưu lượng duy trì DCTT theo giấy phép (m3/s): 2,63

**15. Đường quản lý:**              Có 🗹                              không có □

15.1. Chiều dài: 300 (m)

15.2. Mặt đường: Đất □ Cấp phối □ Nhựa, bê tông 🗹

15.3. Chất lượng đường:   Tốt 🗹        Xấu □        Bình thường □

**16. Các loại quan trắc**

16.1. Quan trắc công trình

Quan trắc thấm 🗹        Quan trắc chuyển vị 🗹           Ứng suất □

Các loại quan trắc khác (nêu tên):......

16.2. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đo mưa  🗹                Tự động 🗹                                 Thủ công □

Số lượng trạm: 1

Mô tả hiện trạng: Hoạt động tốt

Đo mực nước:       Tự động 🗹                  Thủ công □

Số lượng trạm: 1

Mô tả hiện trạng: Hoạt động tốt

**17. Hệ thống giám sát vận hành**

Có 🗹                  Không □

Mô tả hiện trạng: Hoạt động tốt

**18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước (kê theo phụ lục 7 thông tư 09/2019/TT -BCT)**

Có 🗹                                 Không □

Mô tả hiện trạng: Lưu đầy đủ

**19. Quy trình vận hành**                  Có 🗹                   Không□

19.1. Năm phê duyệt: 16/06/2009

19.2. Năm điều chỉnh: 23/10/2017

**20. Phương án bảo vệ**                  Có 🗹                        Không □

20.1. Năm phê duyệt: 03/06/2013

20.2. Năm điều chỉnh: 07/12/2017

**21. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa**

Có 🗹                                 Không □

**22. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp**

Có 🗹                                Không □

22.1. Năm phê duyệt: 14/06/2019

22.2. Năm điều chỉnh: Chưa điều chỉnh

**23. Phương án ứng phó thiên tai**

Có 🗹                           Không □

23.1. Năm phê duyệt: 21/05/2019

23.2. Năm điều chỉnh: Chưa điều chỉnh

**24. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước**

24.1. Số lần kiểm định: 2

24.2. Năm thực hiện: Lần 1 từ năm 2014 – 2019, lần 2 từ năm 2019 – 2024.

**25. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước:**

Đầy đủ 🗹                          Không đầy đủ □                        Không có □

**26. Thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập:**

Có 🗹                                         Không có □

Nêu tên thiết bị: Còi cảnh báo tại cửa nhận nước và hạ lưu nhà máy

**27. Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình**

27.1. Quy trình vận hành cửa van

Có 🗹                                         Không có □

27.2. Quy trình bảo trì công trình

Có 🗹                                        Không có □

**28. Quá trình quản lý khai thác**

Tóm tắt các sự cố lớn, nội dung sửa chữa nâng cấp đã được thực hiện, năm thực hiện.

Trong quá trình vận hành từ năm 2012 đến nay chưa xảy ra sự cố nào, các công việc sửa chữa, bảo dưỡng được thực hiện định kỳ hằng năm. Việc nâng cấp không thực hiện.

**29. Đánh giá chung về an toàn đập**

29.1. Đánh giá chung: Chất lượng tốt

29.2. Đề nghị: Không

**30. Tuyến năng lượng**

30.1. Kiểu (hầm dẫn, kênh hở, kênh kín...): Hầm dẫn

30.2. Chiều dài (m): 3334,04

**31. Nhà máy**

31.1. Số tổ máy: 02

31.2. Lưu lượng chạy máy lớn nhất (m3/s): 19,62

**PHỤ LỤC III-1: PHƯƠNG ÁN ĐẤU NỐI**

**THỦY ĐIỆN TÀ CỌ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà máy, quy mô TBA, cấp điện áp** | **Trạm biến áp tiếp nhận công suất** | **Chi tiết đấu nối** | | **Ghi chú** |
| **Điểm đấu nối** | **Thông số dây dẫn** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | TĐ Tà Cọ,  2x20 MVA,  110kV | TBA 220 kV Sơn La | Vị trí cột 183 đường dây 171 Tà Cọ - Mường Hung – Sơn La | AC185 mạch đơn  8,8 km | Tọa độ vị trí cột xuất tuyến 110kV x 462761, y 2321445 |

**PHỤ LỤC I-2: THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TRÌNH**

**THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 3**

1. **Chủ đầu tư:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
2. **Địa chỉ:** Số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
3. **Người Đại diện pháp luật:** Ông Vũ Minh Tú

**Số điện thoại:** 0903.421.421 Email: minhtusbm@gmail.com

1. **Tên công trình:** NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 3
2. **Công suất lắp máy:** 8 MW Cấp công trình: Cấp III
3. **Địa điểm xây dựng:** Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
4. **Diện tích chiếm đất:** **190.200** m2.
5. Năm khởi công xây dựng 2008 /Năm hoàn thành 2011.
6. **Tổng mức đầu tư:** Mua lại từ Công ty cổ phần Lilama 10 với tổng giá trị là 181,3 tỷ VNĐ.

**PHỤ LỤC II-2: CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA, NHÀ MÁY**

**THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 3**

**1. Tên đập, hồ chứa nước: ĐẬP THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 3**

**2. Địa điểm xây dựng:**

**2.1. Đập: thuộc tỉnh Sơn La, huyện Sông Mã, xã Huổi Một**

**Tọa độ công trình: X: 2323721.3 Y: 359946.5 (tọa độ thực tế)**

**2.2. Nhà máy: thuộc tỉnh Sơn La, huyện Sông Mã, xã Huổi Một**

**Tọa độ công trình: X: 2325085.1 Y: 360802.5 (tọa độ thực tế)**

**3. Nhiệm vụ chính:**Cấp nước tưới □ Phát điện 🗹 Cắt, giảm lũ □

Cấp nước sinh hoạt □ Cấp nước cho công nghiệp □

**4. Thời gian xây dựng:** Năm bắt đầu 2008; Năm kết thúc 2011

**5. Kinh phí xây dựng:** Vốn tự có và vốn vay tín dụng hợp pháp.

**6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** Vốn tự có và vốn vay tín dụng.

**7. Tên chủ sở hữu đập: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh**

Địa chỉ: Số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.7764615 Fax: 0243.7764614

Email: bacminh.sbm@gmail.com

Website: http://sbm.com.vn/

**8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập** (có liên quan đến công tác quản lý đập):

Địa chỉ: Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.6577.117

Email: nmtdnamcong3@gmail.com

**9. Hồ chứa**

9.1. Cấp công trình: III

9.2. Vị trí (xã, huyện, tỉnh): Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La

9.3. Diện tích lưu vực (Km2): **735,8**

9.4. Dung tích ứng với MNDBT (106m3): **0,534**

9.5. Dung tích hữu ích (106m3): **0,389**

9.6. Dung tích chết (106m3):**0,146**

9.7. Dung tích phòng lũ (106m3): **0**

9.8. Mực nước lũ thiết kế (m): **494,23**

9.9. Mực nước lũ kiểm tra (m): **495,87**

9.10. Mực nước dâng bình thường (m): **490,0**

9.11. Mực nước chết (m): **484,5**

9.12. Mực nước lớn nhất đã xảy ra (m): **491,20**

9.13. Mực nước thấp nhất (m): **478**

**10. Đập chính**

10.1. Chiều dài đỉnh đập (m): **101,63**

10.2. Chiều cao lớn nhất (m): **16,4**

10.3. Cao trình đỉnh đập dâng (m**): 496,3**

10.4. Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m):

10.5. Loại đập (đập đất, đập bê tông trọng lực, đập đá đổ...): **Đập bê tông trọng lực.**

10.6. Tình trạng chất lượng:                  Bình thường 🗹             Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không.**

**11. Các đập phụ: Không có.**

**12. Các cống lấy nước**

12.1. Tên cống: **Cống lấy nước.**

12.2. Vị trí (dưới đập nào?): **Dưới đập dâng**

12.3. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s): **24**

12.4. Vật liệu: **Bê Tông**

12.5. Chế độ chảy:                        Không áp 🗹                     Có áp □

12.6. Chiều dài cống (m): **16,3**

12.7. Kích thước cống (m): **3m x3m**

12.8. Cao trình đáy cống (m): **478**

12.9. Tình trạng chất lượng:                Tốt 🗹                   Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không**

**13. Tràn xả lũ**  Tự do 🗹                    Điều tiết bằng van □

13.1. Tên tràn: **Đập tràn**

13.2. Vị trí: **Đập tràn**

13.3. Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước thiết kế (Qxảtk m3/s): **1579,65**

Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước lũ kiểm tra (Qxảkt m3/s): **2618,54**

Mực nước lũ thiết kế (m): **494,23**

Mực nước lũ kiểm tra (m): **495,87**

13.4. Cao trình ngưỡng tràn (m):**490**

13.5. Chiều rộng tràn (m): **80**

Số khoang: **01** Bề rộng khoang tràn: **80**

13.6. Kết cấu: **Bê tông**

13.7. Hình thức: **Tự tràn**

13.8. Hình thức tiêu năng: **Tràn tự do**

Số lượng van điều tiết lũ:

Kiểu van:

Kích thước van:

13.9. Hình thức đóng mở: Tự tràn.

13.10. Tình trạng chất lượng:         Tốt 🗹                          Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không.

**14. Công trình tháo nước khác**

14.1. Tên công trình: **Cống xả cát**

14.2. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s):

14.3. Kết cấu: **Bê tông**

14.4. Chế độ chảy:                  Không áp 🗹                     Có áp □

14.5. Chiều dài (m): **15,29**

14.6. Kích thước (m): **2m\*2,5m**

14.7. Cao trình ngưỡng (m): **475,4**

14.8. Tình trạng chất lượng:        Bình thường 🗹                Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không**

**14.9. Cống xả dòng chảy môi trường:**

14.9.1. Lưu lượng xả: **1,54 m3/s**

14.9.2. Cao trình đặt cống: **475,4m**

14.9.3. Tình trạng hoạt động:

Công trình xả, chung với mục đích khác: Có 🗹            không có □

(xả môi trường chung với xả cát)

Loại van điều tiết: Van Phẳng, đóng mở bằng Vít tải

Hình thức đóng mở van điều tiết: Vít tải

Lưu lượng duy trì DCTT theo giấy phép (m3/s): **1,54 m3/s**

**15. Đường quản lý:**              Có 🗹                             không có □

15.1. Chiều dài: **5,0 (m)**

15.2. Mặt đường: Đất □ Cấp phối □ Nhựa, bê tông 🗹

15.3. Chất lượng đường:   Tốt 🗹       Xấu□        Bình thường □

**16. Các loại quan trắc**

16.1. Quan trắc công trình

Quan trắc thấm □        Quan trắc chuyển vị 🗹           Ứng suất □

16.2. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đo mưa 🗹                    Tự động 🗹                                Thủ công □

Các loại quan trắc khác (nêu tên):......

Số lượng trạm: **01**

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

Đo mực nước:       Tự động 🗹                  Thủ công □

Số lượng trạm:**01**

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

**17. Hệ thống giám sát vận hành**

Có 🗹                  Không □

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

**18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước (kê theo phụ lục 7 thông tư 09/2019/TT -BCT)**

Có 🗹                                  Không □

Mô tả hiện trạng: **Lưu trữ đầy đủ**

**19. Quy trình vận hành**                  Có 🗹                  Không□

19.1. Năm phê duyệt: **03/11/2010**

19.2. Năm điều chỉnh: **10/10/2012**

19.3. Năm điều chỉnh: **26/09/2019**

**20. Phương án bảo vệ**                  Có 🗹                       Không □

20.1. Năm phê duyệt: **06/12/2010**

20.2. Năm điều chỉnh: **01/10/2020**

**21. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa**

Có 🗹                       Không □

**22. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp**

Có 🗹                       Không □

22.1. Năm phê duyệt: **24/04/2019**

22.2. Năm điều chỉnh: **Chưa điều chỉnh**

**23. Phương án ứng phó thiên tai**

Có 🗹                            Không □

23.1. Năm phê duyệt: **21/05/2019**

23.2. Năm điều chỉnh: **Chưa điều chỉnh**

**24. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước**

24.1. Số lần kiểm định: **02**

24.2. Năm thực hiện: Lần 1 từ năm **2013** đến năm **2018,** lần 2 từ năm **2019** đến năm **2024**

**25. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước:**

Đầy đủ 🗹                      Không đầy đủ □                        Không có □

**26. Thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập:**

Có 🗹                            Không có □

Nêu tên thiết: **Còi điện cảnh báo**

**27. Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình**

27.1. Quy trình vận hành cửa van

Có 🗹                          Không có □

27.2. Quy trình bảo trì công trình

Có 🗹                          Không có □

**28. Quá trình quản lý khai thác**

Từ khi đi vào khai thác đến nay chưa xảy ra hư hỏng, công trình vận hành tốt.

**29. Đánh giá chung về an toàn đập**

29.1. Đánh giá chung: Đập đảm bảo an toàn.

29.2. Đề nghị: **Không.**

**30. Tuyến năng lượng**

30.1. Kiểu (hầm dẫn, kênh hở, kênh kín...): **Hầm dẫn nước.**

30.2. Chiều dài (m): **2400**

**31. Nhà máy**

31.1. Số tổ máy: **02**

31.2. Lưu lượng chạy máy lớn nhất (m3/s): **23,35**

**PHỤ LỤC III-2: PHƯƠNG ÁN ĐẤU NỐI**

**THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 3**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà máy, quy mô TBA, cấp điện áp** | **Trạm biến áp tiếp nhận công suất** | **Chi tiết đấu nối** | | **Ghi chú** |
| **Điểm đấu nối** | **Thông số dây dẫn** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | TĐ NẬM CÔNG 3, | Trạm biến áp 110kV Sông Mã | Vị trí cột 21 đường dây 373 Sông Mã | AC95 |  |
| Công suất: 5,6 MVA, | 450 m |  |
| Cấp điện áp: 35kV |  |  |

**PHỤ LỤC I-3: THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TRÌNH**

**THỦY ĐIỆN SUỐI SẬP 3**

1. **Chủ đầu tư:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
2. **Địa chỉ:** Số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
3. **Người Đại diện pháp luật:** Ông Vũ Minh Tú

**Số điện thoại:** 0903.421.421 Email: minhtusbm@gmail.com

1. **Tên công trình:** NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SUỐI SẬP 3
2. **Công suất lắp máy:** 14 MW Cấp công trình: Cấp II
3. **Địa điểm xây dựng:**

Địa điểm xây dựng đập: Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Địa điểm xây dựng nhà máy: Xã Suối Bau, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

1. **Diện tích chiếm đất:** **609.405,2** m2.
2. Năm khởi công xây dựng 2007 /Năm hoàn thành 2011.
3. **Tổng mức đầu tư:** 303 tỷ VNĐ (theo giấy chứng nhận đầu tư).

**PHỤ LỤC II-3: CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA, NHÀ MÁY**

**THỦY ĐIỆN SUỐI SẬP 3**

**1. Tên đập, hồ chứa nước: ĐẬP THỦY ĐIỆN SUỐI SẬP 3**

**2. Địa điểm xây dựng:**

**2.1. Đập: thuộc tỉnh Sơn La, huyện Bắc yên, xã Phiêng Ban**

**Tọa độ công trình:** + 21°13’30 vĩ độ bắc.

+ 104°29’30’’ kinh độ đông

**2.2. Nhà máy: thuộc tỉnh Sơn La, huyện Phù Yên, xã Suối Bau**

**Tọa độ công trình:** + 21°24’ đến 21°13’ vĩ độ bắc.

+ 104°24’ đến 104°35’ kinh độ đông

**3. Nhiệm vụ chính:**Cấp nước tưới □ Phát điện 🗹 Cắt, giảm lũ □

Cấp nước sinh hoạt □ Cấp nước cho công nghiệp □

**4. Thời gian xây dựng:** Năm bắt đầu 2007; Năm kết thúc 2011

**5. Kinh phí xây dựng:** Vốn tự có và vốn vay tín dụng hợp pháp.

**6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** Vốn tự có và vốn vay tín dụng.

**7. Tên chủ sở hữu đập: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh**

Địa chỉ: Số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.7764615 Fax: 0243.7764614

Email: bacminh.sbm@gmail.com

Website: http://sbm.com.vn/

**8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập** (có liên quan đến công tác quản lý đập):

Địa chỉ: Xã Suối Bau, huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.2225.344

Email: nmtdss3@gmail.com

**9. Hồ chứa**

9.1. Cấp công trình: III

9.2. Vị trí (xã, huyện, tỉnh): **Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La**

9.3. Diện tích lưu vực (Km2): **252,7**

9.4. Dung tích ứng với MNDBT (106m3): **3,269**

9.5. Dung tích hữu ích (106m3): **0,293**

9.6. Dung tích chết (106m3):**2,976**

9.7. Dung tích phòng lũ (106m3): **0**

9.8. Mực nước lũ thiết kế (m): **260,30**

9.9. Mực nước lũ kiểm tra (m): **261,21**

9.10. Mực nước dâng bình thường (m): **256,0**

9.11. Mực nước chết (m): **254,97**

9.12. Mực nước lớn nhất đã xảy ra (m): **260,10**

9.13. Mực nước thấp nhất (m): **254,97**

**10. Đập chính**

10.1. Chiều dài đỉnh đập (m): **60**

10.2. Chiều cao lớn nhất (m): **47**

10.3. Cao trình đỉnh đập dâng (m**): 262**

10.4. Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m):

10.5. Loại đập (đập đất, đập bê tông trọng lực, đập đá đổ...): **Đập bê tông trọng lực.**

10.6. Tình trạng chất lượng:                  Bình thường 🗹             Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không.**

**11. Các đập phụ: Không có.**

**12. Các cống lấy nước**

12.1. Tên cống: **Cống lấy nước.**

12.2. Vị trí (dưới đập nào?): **Dưới đập dâng**

12.3. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s): **24**

12.4. Vật liệu: **Bê Tông**

12.5. Chế độ chảy:                        Không áp 🗹                     Có áp □

12.6. Chiều dài cống (m):

12.7. Kích thước cống (m): **3m\*3m**

12.8. Cao trình đáy cống (m): **246**

12.9. Tình trạng chất lượng:                Tốt 🗹                   Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không**

**13. Tràn xả lũ**  Tự do 🗹                    Điều tiết bằng van □

13.1. Tên tràn: **Đập tràn**

13.2. Vị trí: **Đập tràn**

13.3. Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước thiết kế (Qxảtk m3/s): **1088,3**

Lưu lượng xả lũ ứng với mực nước lũ kiểm tra (Qxảkt m3/s): **1454,43**

Mực nước lũ thiết kế (m): **261,21**

Mực nước lũ kiểm tra (m): **260,30**

13.4. Cao trình ngưỡng tràn (m):**256**

13.5. Chiều rộng tràn (m): **60**

Số khoang: **04** Bề rộng mỗi khoang tràn: **15**

13.6. Kết cấu: **Bê tông**

13.7. Hình thức: **Tự tràn**

13.8. Hình thức tiêu năng: **Tràn tự do**

Số lượng van điều tiết lũ:

Kiểu van:

Kích thước van:

13.9. Hình thức đóng mở: Tự tràn.

13.10. Tình trạng chất lượng:         Tốt 🗹                          Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): Không.

**14. Công trình tháo nước khác**

14.1. Tên công trình: **Cống xả cát**

14.2. Lưu lượng thiết kế (Qtk m3/s):

14.3. Kết cấu: **Bê tông**

14.4. Chế độ chảy:                  Không áp 🗹                     Có áp □

14.5. Chiều dài (m):

14.6. Kích thước (m): **3m\*3m**

14.7. Cao trình ngưỡng (m): **242**

14.8. Tình trạng chất lượng:        Bình thường 🗹                Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): **Không**

**14.9. Cống xả dòng chảy môi trường:**

14.9.1. Lưu lượng xả: **1,00 m3/s**

14.9.2. Cao trình đặt cống: **242m**

14.9.3. Tình trạng hoạt động:

Công trình xả, chung với mục đích khác: Có 🗹            không có □

(xả môi trường chung với xả cát)

Loại van điều tiết: Van Phẳng, đóng mở bằng Vít tải

Hình thức đóng mở van điều tiết: Vít tải

Lưu lượng duy trì DCTT theo giấy phép (m3/s): **1,00 m3/s**

**15. Đường quản lý:**              Có 🗹                             không có □

15.1. Chiều dài: **500 (m)**

15.2. Mặt đường: Đất □ Cấp phối □ Nhựa, bê tông 🗹

15.3. Chất lượng đường:   Tốt 🗹       Xấu□        Bình thường □

**16. Các loại quan trắc**

16.1. Quan trắc công trình

Quan trắc thấm 🗹        Quan trắc chuyển vị 🗹           Ứng suất □

16.2. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đo mưa 🗹                    Tự động 🗹                                Thủ công □

Các loại quan trắc khác (nêu tên):......

Số lượng trạm: **01**

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

Đo mực nước:       Tự động 🗹                  Thủ công □

Số lượng trạm:**01**

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

**17. Hệ thống giám sát vận hành**

Có 🗹                  Không □

Mô tả hiện trạng: **Hoạt động tốt**

**18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước (kê theo phụ lục 7 thông tư 09/2019/TT -BCT)**

Có 🗹                                  Không □

Mô tả hiện trạng: **Lưu trữ đầy đủ**

**19. Quy trình vận hành**                  Có 🗹                  Không□

19.1. Năm phê duyệt: **24/11/2008**

19.2. Năm điều chỉnh: **26/09/2019**

**20. Phương án bảo vệ**                  Có 🗹                       Không □

20.1. Năm phê duyệt: **12/06/2013**

20.2. Năm điều chỉnh: **10/2020**

**21. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa**

Có 🗹                       Không □

**22. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp**

Có 🗹                       Không □

22.1. Năm phê duyệt: **14/06/2019**

22.2. Năm điều chỉnh: **Chưa điều chỉnh**

**23. Phương án ứng phó thiên tai**

Có 🗹                            Không □

23.1. Năm phê duyệt: **22/05/2019**

23.2. Năm điều chỉnh: **Chưa điều chỉnh**

**24. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước**

24.1. Số lần kiểm định: **02**

24.2. Năm thực hiện: Lần 1 từ năm **2014** đến năm **2019,** lần 2 từ năm **2019** đến năm **2024**

**25. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước:**

Đầy đủ 🗹                      Không đầy đủ □                        Không có □

**26. Thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập:**

Có 🗹                            Không có □

Nêu tên thiết: **Còi điện cảnh báo**

**27. Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình**

27.1. Quy trình vận hành cửa van

Có 🗹                          Không có □

27.2. Quy trình bảo trì công trình

Có 🗹                          Không có □

**28. Quá trình quản lý khai thác**

Từ khi đi vào khai thác đến nay chưa xảy ra hư hỏng, công trình vận hành tốt.

**29. Đánh giá chung về an toàn đập**

29.1. Đánh giá chung: Đập đảm bảo an toàn.

29.2. Đề nghị: **Không.**

**30. Tuyến năng lượng**

30.1. Kiểu (hầm dẫn, kênh hở, kênh kín...): **Hầm dẫn nước.**

30.2. Chiều dài (m): **2893,8**

**31. Nhà máy**

31.1. Số tổ máy: **02**

31.2. Lưu lượng chạy máy lớn nhất (m3/s): **21,68**

**PHỤ LỤC III-3: PHƯƠNG ÁN ĐẤU NỐI**

**THỦY ĐIỆN SUỐI SẬP 3**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà máy, quy mô TBA, cấp điện áp** | **Trạm biến áp tiếp nhận công suất** | **Chi tiết đấu nối** | | **Ghi chú** |
| **Điểm đấu nối** | **Thông số dây dẫn** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 2 | TĐ Suối Sập 3 | Trạm biến áp 110kV Gia Phù | Vị trí cột 96; 97 đường dây 35kV | AC120 |  |
| Quy mô: 2x 8750KVA | 0,07 km |  |
| Cấp điện áp: 35kV |  |  |